

Số: 79./CBTT-ĐTĐB-HCNS

Sơn La, ngày 24 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
- Mã chứng khoán: NED
- Địa chỉ trụ sở chính: Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
- Điện thoại: 0212. 6 265 095 Fax: 0212. 6 265 097
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Xuân Tuyền
- Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố: Định kì Bất thường 24h Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công bố sửa đổi Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 bao gồm:

- Báo cáo của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty Về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2018 và nhiệm vụ, kế hoạch năm 2019.
- Tờ trình của HĐQT Về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2019
- Báo cáo của HĐQT Về việc chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/04/2019 tại đường dẫn: <http://www.dientaybac.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo của HĐQT;
- Tờ trình của HĐQT;
- Báo cáo của HĐQT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Tuyền

Số: 24/BC-ĐTĐB-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD, ĐẦU TƯ NĂM 2018 VÀ NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Đầu tư & PT Điện Tây Bắc;
- Nghị quyết số: 13 /NQ-ĐTĐB-HĐQT ngày 22/04/2019 của HĐQT Công ty về việc Điều chỉnh một số nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2019.

A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện...

2. Vốn điều lệ của Công ty

- Vốn điều lệ của Công ty là: 405 tỷ đồng

3. Bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hiện nay

3.1. Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Trần Văn Huyền | - Chủ tịch HĐQT Công ty |
| - Ông Đỗ Quang Lợi | - Thành viên HĐQT Công ty |
| - Bà Trần Thị Khánh Ly | - Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/4/2018) |
| - Ông Nguyễn Đắc Điệp | - Thành viên HĐQT (Có đơn xin từ nhiệm ngày 26/12/2018) |
| - Ông Phạm Sỹ Long | - Thành viên HĐQT (Có đơn xin từ nhiệm ngày 14/1/2019) |

3.2. Ban kiểm soát:

- | | |
|-------------------------|---|
| - Ông Trần Đức Hậu | - Trưởng Ban kiểm soát Công ty |
| - Ông Nguyễn Xuân Tuyển | - Thành viên BKS (Có đơn xin từ nhiệm ngày 14/1/2019) |
| - Ông Nguyễn Văn Mạnh | - Thành viên ban BKS Công ty |

3.3. Tổng giám đốc:

- Ông Đỗ Quang Lợi - Tổng giám đốc Công ty
- Tổng số CBCNV Công ty đến ngày 27/03/2019 là: 63 người,

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2018.

1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018.

1.1. Sản xuất điện năng

Đơn vị tính: Triệu kwh

STT	Nội dung	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ(TH/KH)
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	127.210	141.343	90.00%
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	0.111		
3	Nhà máy Nậm Công 4	40.915	37.547	108.97%
4	Nhà máy Nậm Công 5	1.287		
5	Nhà máy Nậm Sỏi	29.094	29.007	100.30%
	Tổng cộng	198.617	207.897	95.54%

1.2. Doanh thu trước thuế VAT

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ(TH/KH)
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	134.134	129.951	103.22%
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	0.183		
3	Nhà máy Nậm Công 4	53.813	48.742	110.40%
4	Nhà máy Nậm Công 5	1.987		
5	Nhà máy Nậm Sỏi	39.767	38.445	103.44%
6	Doanh thu DV khác	5.055	0.66	
	Tổng cộng	234.938	217.798	107.87%

3.. Lợi nhuận trước thuế đạt: 65,606 tỷ/55,109 tỷ, đạt 119,0% kế hoạch.

2. Kết quả thực hiện Đầu tư năm 2018

2.1. Thực hiện đầu tư xây dựng công trình.

* Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 3.

a) Địa điểm xây dựng: Trên suối Nậm Chiến thuộc địa phận xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

b) Quy mô công trình:

- Loại công trình: Công trình năng lượng
- Cấp công trình: Công trình cấp 3
- Quy mô công suất: 3,1 MW

c) Giá trị tài sản: **114.004.004.795** đồng (Một trăm mười bốn tỷ, không trăm linh bốn triệu, không trăm linh bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng). Trong đó:

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị phê duyệt	Giá trị quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
I	Chi phí đền bù	516.774.000	516.774.000	-	
II	Chi phí xây dựng	42.619.408.421	42.619.408.421	-	
III	Chi phí thiết bị	64.180.888.544	64.180.888.544	-	
IV	Chi phí quản lý dự án	373.304.940	373.304.940	-	
V	Chi phí tư vấn	3.107.481.818	3.107.481.818	-	
VI	Chi phí khác	2.013.698.335	2.013.698.335	-	
VII	Chi phí lãi vay	1.192.448.737	1.192.448.737	-	
	Tổng cộng	114.004.004.795	114.004.004.795	-	

d) Kết quả: Hoàn thiện công trình, nghiệm thu bàn giao đưa vào vận hành sản xuất điện thương mại trong tháng 11/2018.

2.2. Thực hiện đầu tư tài chính.

* **Thực hiện đầu tư tài chính vào Công ty cổ phần thủy điện Nậm Công Sơn La thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Công 5.**

a) Địa điểm xây dựng: huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

b) Quy mô công trình:

- Loại công trình: Công trình năng lượng

- Cấp công trình: Công trình cấp 3

- Quy mô công suất: 4,0 MW

c) Kết quả: Hoàn thiện công trình, nghiệm thu bàn giao đưa vào vận hành sản xuất điện thương mại trong tháng 10/2018.

d. Tổng giá trị đầu tư: 163,7 tỷ đồng

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018

Mặc dù do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến sản lượng điện thương phẩm không đạt như kế hoạch đề ra, nhưng doanh thu các nhà máy Thủy điện đều vượt kế hoạch: Nậm Chiến 2 vượt kế hoạch 3,2% là do giá Thị trường điện năm 2018 tăng so với cùng kỳ các năm trước; Đối với các nhà máy thủy điện nhỏ, chi phí tránh được tăng 1,73% so với năm trước nên tỷ lệ đạt của doanh thu đều tăng cao hơn so với tỷ lệ đạt của sản lượng.

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành một số công việc quan trọng như sau:

✓ Hoàn thành Phương phát hành án tăng VDL Công ty năm 2018 cụ thể như sau:

a. *Cổ phiếu chào bán riêng lẻ.*

- Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

(NED)

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Số lượng chào bán: 4.245.246 cổ phần, tương ứng với 42.452.460.000 đồng.

- Ngày bắt đầu chào bán: 29/5/2018

- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 04/6/2018

b. *Phương án sử dụng số tiền huy động từ đợt chào bán riêng lẻ.*

STT	Nội dung	Số tiền sử dụng		Lý do thay đổi
		Theo NQ số 01/NQ-ĐTB-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018	Phương án thay đổi	
I	Đầu tư cho Dự án thủy điện Nậm Chiến 3	30.700.000.000	34.315.125.930	Ngân hàng tài trợ vốn cho DA
1	Thanh toán các khoản chi phí	30.700.000.000	34.315.125.930	TĐNậm Chiến 3

	phục vụ đầu tư Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 3			chi phê duyệt cho vay tối đa 65% tổng vốn đầu tư
II	Phục vụ SXKD của Công ty	8.752.460.000	5.137.334.070	
1	Vật tư sửa chữa, thuê chuyên gia (phục vụ sửa chữa lớn 03 nhà máy thủy điện	7.752.460.000	4.337.334.070	
2	Chi phí sửa chữa kênh dẫn nước nhà máy Nậm Công 4	1.000.000.000	800.000.000	
III	Trả nợ vay Ngân hàng	3.000.000.000	3.000.000.000	
1	Ngân hàng TMCP An Bình	3.000.000.000	3.000.000.000	

Việc Điều chỉnh Phương án sử dụng vốn trên đã được Công ty Báo cáo UBCK nhà nước và công bố công khai trên Website: www.dientaybac.com.vn ngày 10/12/2018.

- ✓ Năm 2018, bên cạnh tình hình thủy văn thuận lợi, nước về tốt, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp linh hoạt, các tổ máy luôn được đảm bảo trong tình trạng hoạt động ổn định, an toàn mang lại hiệu quả cao trong công tác vận hành phát điện, đồng thời luôn đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình vận hành nhà máy.
- ✓ Ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát, đánh giá trình độ, năng lực của CBCNV để sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cho phù hợp với điều kiện thực tế.
- ✓ Điều chỉnh mô hình quản lý vận hành, không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất;
- ✓ Thực hành giao khoán chi phí quản lý vận hành nhà máy, điện tự dùng, điện công sở, phương tiện đi lại;
- ✓ Mua bảo hiểm rủi ro tài sản (bao gồm bảo hiểm cháy nổ bắt buộc) và bảo hiểm công trình kỹ thuật dân dụng đã hoàn của nhà máy thủy Nậm Chiến 2; Nậm Công và Nậm Sỏi;
- ✓ Công tác đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng tại nhà máy: Luôn đáp ứng tiến độ, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, đảm bảo thiết bị luôn sẵn sàng, vận hành an toàn ổn định đặc biệt là sau khi đại tu, các tổ máy đã đáp ứng được đúng các thông số kỹ thuật của nhà chế tạo và các điều kiện vận hành thực tế của nhà máy. Đảm bảo chất lượng theo đúng tiêu chuẩn của quy định hiện hành.
- ✓ Công tác PCLB tại nhà máy: Thực hiện tốt công tác chuẩn bị, luôn chủ động, sẵn sàng trong công tác Phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn các hạng mục công trình.

- ✓ Phối hợp với các nhà máy bậc trên, các cơ quan quản lý ngành điện như A0, A1, B17... để phát huy tối đa công suất khi có nước, tận dụng phát điện vào các giờ giá cao trong ngày.
- ✓ Quan hệ tốt với chính quyền địa phương và các cơ quan hữu quan để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ✓ Đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động trong Công ty...

C. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

1. Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2018.

Năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy điều hành trong công tác sản xuất kinh doanh. Định kỳ triệu tập các cuộc họp để xem xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời đề ra nhiệm vụ và các công việc cần thực hiện trong thời gian tiếp theo. Tại các kỳ họp các thành viên đã tập trung phân tích đánh giá, kiểm điểm các nguyên nhân khách quan, chủ quan, những việc đã thực hiện, chưa thực hiện được và đưa ra những chỉ đạo quyết liệt nhằm đảm bảo mục tiêu kế hoạch SXKD của đơn vị cũng như nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao cho. Trong năm tài chính 2018, dưới sự chỉ đạo của HĐQT công tác điều hành đã có nhiều chuyển biến tích cực, các nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông đề ra đều đạt và vượt kế hoạch.

Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã ban hành 37 Nghị quyết và 17 Quyết định để tạo điều kiện cho công tác quản lý điều hành công việc của Công ty. Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có tính thực thi cao và được TGD tổ chức triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.

- Hội đồng quản trị Công ty luôn sát sao chỉ đạo Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Công ty đã đề ra.
- Giám sát trước khi thực hiện: HĐQT đã ban hành các chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Rà soát, bổ sung, hoàn thiện ban hành và chỉ đạo thực hiện đồng bộ các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty;
- Giám sát trong quá trình thực hiện: Định kỳ hàng tháng, quý hoặc đột xuất Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thành viên HĐQT dự các cuộc họp với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, các hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc chi trả lương cho người lao động; thực hiện nộp các loại thuế, nộp BHXH và BHYT đảm bảo về thời gian theo quy định;

- Giám sát sau quá trình thực hiện: Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, các phòng nghiệp vụ Công ty thông qua việc kiểm tra, kiểm soát hằng quý của Ban kiểm soát nội bộ Công ty;

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đúng thẩm quyền, không gây cản trở đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của Công ty. Qua kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị đã nắm bắt được diễn biến hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong từng giai đoạn để có biện pháp chỉ đạo kịp thời và xử lý từng trường hợp cụ thể.

Năm 2018, Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành Công ty quyết liệt trong việc triển khai đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Chiến 3 và Thủy điện Nậm Công 5 hoàn thành tiến độ và đi vào hoạt động; việc kiện toàn, sắp xếp công việc của đơn vị, các phòng nghiệp vụ của Công ty và việc bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý, định biên bộ máy gián tiếp và trực tiếp của toàn Công ty.

3. Công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3.1 Công tác tổ chức:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Công ty;
- Chỉ đạo ban Tổng giám đốc Công ty tiến hành định biên tổ chức các Phòng nghiệp vụ đáp ứng các công việc và phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.
- Tiếp tục duy trì ổn định tổ chức, cân đối lực lượng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và tăng cao hiệu quả hoạt động.

3.2 Công tác cán bộ:

Hội đồng quản trị Công ty đã kiện toàn bộ máy quản lý Công ty: Thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT và Phó Tổng giám đốc Công ty.

Các bộ phận trực thuộc Công ty được sắp xếp một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu công việc. Việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh được thống nhất từ trên xuống dưới, bố trí sử dụng lao động, khen thưởng kỷ luật đối với người lao động phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị và Nội quy của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

D. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

1. Kế hoạch SXKD năm 2019 của Tổ hợp Công ty điện Tây Bắc.

1.1. Kế hoạch Sản xuất điện năng

Đơn vị tính: Triệu kwh

STT	Nội dung	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	Tỷ lệ (KH2019/TH2018)
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	133.780	127.210	105%
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	6.828	0.111	
3	Nhà máy Nậm Công 4	40.477	40.915	99%
4	Nhà máy Nậm Công 5	14.537	1.287	
5	Nhà máy Nậm Sỏi	29.492	29.094	101%
	Tổng cộng	225.114	198.617	113.34%

1.2. Doanh thu trước thuế VAT:

TT	Nội dung	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	Tỷ lệ (KH2019/TH2018)
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	146.589	134.133	109.29%
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	7.711	0.182	
3	Nhà máy Nậm Công 4	51.424	53.812	95.56%
4	Nhà máy Nậm Công 5	17.255	1.986	
5	Nhà máy Nậm Sỏi	41.219	39.767	103.65%
6	Doanh thu DV khác	3.102	5.055	61.36%
6.1	Nộp hộ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	2.802		
6.2	Thu từ các dịch vụ khác	0.30		
	Tổng cộng	267.300	234.938	113.77%

1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh: 178,183 tỷ đồng

1.4. Lợi nhuận trước thuế: 89,118 tỷ đồng (tăng 35,84% so với năm 2018)

2. Kế hoạch Đầu tư 2019.

Tiếp tục tìm kiếm các dự án năng lượng (Dự án thủy điện, Năng lượng mặt trời, Điện gió...) để nghiên cứu đầu tư.

3. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019:

3.1 Công tác chỉ đạo sản xuất.

- Lập và giao kế hoạch sản xuất hàng tháng cho các nhà máy điện, hàng tháng thực hiện việc kiểm điểm đánh giá việc thực hiện của các nhà máy;
- Lập và giao kế hoạch bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy, giám sát chặt chẽ việc thực hiện;
- Trong năm 2019, chú trọng hơn nữa công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị tại các nhà máy giảm thiểu tối đa sự cố xảy ra. Đặc biệt phải hoàn thành sửa chữa đại tu thay thế bánh xe công tác tại các nhà máy thủy điện: Nậm Chiến 2, Nậm Công 4 và Nậm Sỏi;
- Theo dõi sát chu kỳ vận hành của từng nhà máy qua đó đưa ra quy trình tối ưu phối hợp vận hành giữa nhà máy Nậm Chiến 2 và Nậm Chiến 3, giữa nhà máy Nậm Công 4 và nhà máy Nậm Công 5;

2.2. Giải pháp về tài chính:

- Tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo trả một phần nợ cho các nhà thầu nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty.
- Lập kế hoạch tiền vốn, thanh toán giá trị mua sắm vật tư kịp thời đảm bảo tiến độ sửa chữa lớn cho các nhà máy.
- Tiếp tục làm việc với ngân hàng để cơ cấu trả nợ phần lãi và gốc, giảm lãi vay;

2.3. Một số giải pháp khác:

- Phối hợp với các nhà máy bậc trên, các cơ quan quản lý ngành điện để phát huy tối đa công suất khi có nước, phát huy phát điện vào các giờ giá cao trong ngày;

- Rà soát, tổ chức sắp xếp lại bộ máy tổ chức, đào tạo nâng cao trình độ năng lực để quản lý vận hành các nhà máy thủy điện;
- Thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, điện tự dùng, điện công sở, phương tiện đi lại.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty về tình hình thực hiện nhiệm vụ, Kế hoạch SXKD, Đầu tư năm 2018 và Nhiệm vụ, Kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty kính mong Quý vị cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến để HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tiếp tục lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty hoạt động ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các TV. HĐQT;
- Các TV. BKS;
- Lưu HĐQT, TCHC



TRẦN VĂN HUYÊN

PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 24/BC -ĐTB-HĐQT ngày 23/04/2019)

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	%TH/KH
A	Kế hoạch SXKD điện năng				
I	Sản lượng điện năng	kWh	207,898,254	198,619,598	95.5%
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	kWh	141,343,385	127,210,518	90.0%
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	kWh		111,767	
3	Nhà máy Nậm Công 4	kWh	37,547,000	40,915,166	109.0%
4	Nhà máy Nậm Công 5	kWh		1,287,499	
5	Nhà máy Nậm Sỏi	kWh	29,007,869	29,094,648	100.3%
II	Doanh thu trước thuế	đồng	217,798,610,383	234,938,489,087	107.9%
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	đồng	129,951,127,864	134,133,794,355	103.2%
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	đồng		182,926,342	
3	Nhà máy Nậm Công 4	đồng	48,742,135,278	53,812,842,005	110.4%
4	Nhà máy Nậm Công 5	đồng		1,986,702,448	
5	Nhà máy Nậm Sỏi	đồng	38,445,232,157	39,767,219,797	103.4%
6	Danh thu từ các dịch vụ khác	đồng	660,115,085	5,055,004,139	765.8%
-	Doanh thu HĐTC			12,917,198	
-	Danh thu bán tín chỉ Recs (0,2 EUR/MWh)	đồng	360,115,085	-	0.0%
-	Doanh thu từ các dịch vụ khác	đồng	300,000,000	309,924,218	103.3%
-	Doanh thu khác	đồng		4,745,079,921	
B	Chi phí KH SXKD (I+II+III+IV+V+VI)	đồng	162,689,077,492	169,332,142,064	104.1%
I	Khấu hao tài sản cố định	đồng	29,986,776,420	30,845,380,588	102.9%
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	đồng	16,449,706,504	16,272,426,295	98.9%
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	đồng		198,851,019	
3	Nhà máy Nậm Công 4	đồng	7,043,756,404	7,195,165,560	102.1%
4	Nhà máy Nậm Công 5			662,465,046	
5	Nhà máy Nậm Sỏi	đồng	6,493,313,512	6,516,472,668	100.4%
II	Chi phí tài chính	đồng	69,970,725,000	70,243,269,390	100.4%
1	Chi phí lãi vay	đồng	69,970,725,000	70,243,269,390	100.4%
III	Các khoản thuế, phí môi trường rừng	đồng	25,370,343,620	24,238,046,092	95.5%
I	Thuế tài nguyên nước	đồng	17,886,006,494	17,087,740,564	95.5%
a	Nhà máy Nậm Chiến 2	đồng	12,160,124,727	10,944,238,890	90.0%
b	Nhà máy Nậm Chiến 3	đồng		9,615,594	
c	Nhà máy Nậm Công 4	đồng	3,230,262,278	3,520,034,019	109.0%
d	Nhà máy Nậm Công 5	đồng		110,766,757	
e	Nhà máy Nậm Sỏi	đồng	2,495,619,490	2,503,085,304	100.3%
2	Phí môi trường rừng	đồng	7,484,337,126	7,150,305,528	95.5%
a	Nhà máy Nậm Chiến 2	đồng	5,088,361,842	4,579,578,648	90.0%
b	Nhà máy Nậm Chiến 3	đồng		4,023,612	
c	Nhà máy Nậm Công 4	đồng	1,351,692,000	1,472,945,976	109.0%
d	Nhà máy Nậm Công 5	đồng		46,349,964	
e	Nhà máy Nậm Sỏi	đồng	1,044,283,284	1,047,407,328	100.3%
IV	Chi phí quản lý, vận hành phục vụ SXKD	đồng	37,361,232,452	42,317,978,222	113.3%
1	Chi phí quản lý	đồng	17,259,852,172	20,338,736,174	117.8%
2	Chi phí thường xuyên hàng năm	đồng	3,818,968,301	4,281,354,834	112.1%

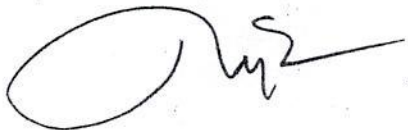
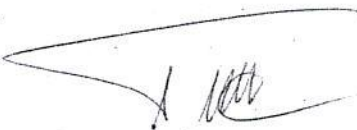
TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	%TH/KH
3	Chi phí sửa chữa	đồng	13,692,411,979	14,382,173,448	105.0%
4	Chi phí kiểm định, thí nghiệm các thiết bị điện	đồng	1,180,000,000	693,954,752	58.8%
5	Chi phí trả trước phân bổ dần	đồng	330,000,000	2,621,759,014	
V	Chi phí dịch vụ khác			684,803,658	
VI	Chi phí khác			1,002,664,113	
C	Lợi nhuận trước thuế (A.II-B)	đồng	55,109,532,891	65,606,347,023	119.0%

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2019

PHÒNG KINH DOANH

PHÒNG KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC


Trần Bá Duy

Nguyễn Văn Tuấn

Đỗ Quang Lợi

PHỤ LỤC 2: BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 19/BC-ĐTB-HĐQT ngày 23/04/2019)

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng hợp	Trong đó		Ghi chú
				Nậm Công Sơn La	Điện Tây Bắc	
A	Kế hoạch SX điện năng					
I	Sản lượng điện năng	MWh	225.114	14.537	210.577	
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	MWh	133.780	0	133.780	T12/2006
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	MWh	6.828	0	6.828	T10/2017
3	Nhà máy Nậm Công 4	MWh	40.477	0	40.477	T03/2008
3	Nhà máy Nậm Công 5	MWh	14.537	14.537	0	T10/2016
4	Nhà máy Nậm Sỏi	MWh	29.492	0	29.492	T01/2008
II	Doanh thu trước thuế	Triệu đ	267.300	17.435	249.865	
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	Triệu đ	146.589	-	146.589	
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	Triệu đ	7.711	-	7.711	
3	Nhà máy Nậm Công 4	Triệu đ	51.424	-	51.424	
3	Nhà máy Nậm Công 5	Triệu đ	17.255	17.255	-	
4	Nhà máy Nậm Sỏi	Triệu đ	41.219	-	41.219	
5	Danh thu từ các dịch vụ khác	Triệu đ		-	-	
-	<i>Nộp hộ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	Triệu đ	2.802	180	2.623	
-	<i>Doanh thu từ các dịch vụ khác</i>	Triệu đ	300	-	300	
B	Chi phí KH SXKD	Triệu đ	178.183	16.835	161.354	
I	Khấu hao tài sản cố định	Triệu đ	36.038	3.720	32.325	
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	Triệu đ	16.450	0	16.452	
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	Triệu đ	2.332	-	2.334	
3	Nhà máy Nậm Công 4	Triệu đ	7.044	0	7.046	
3	Nhà máy Nậm Công 5	Triệu đ	3.720	3.720	0	
4	Nhà máy Nậm Sỏi	Triệu đ	6.493	0	6.493	
II	Chi phí tài chính	Triệu đ	76.954	8.846	68.107	
1	Chi phí lãi vay	Triệu đ	68.107		68.107	
2	Chi phí lãi vay Nậm công 5	Triệu đ	8.846	8.846		
III	Thuế, phí môi trường rừng	Triệu đ	30.273	1.954	28.320	
1	Thuế tài nguyên nước	Triệu đ	19.367	1.251	18.116	
a	Nhà máy Nậm Chiến 2	Triệu đ	11.509	0	11.509	
b	Nhà máy Nậm Chiến 3	Triệu đ	587	0	587	
c	Nhà máy Nậm Công 4	Triệu đ	3.482	0	3.482	
c	Nhà máy Nậm Công 5	Triệu đ	1.251	1.251	0	
d	Nhà máy Nậm Sỏi	Triệu đ	2.537	0	2.537	
2	Phí môi trường rừng	Triệu đ	8.104	523	7.581	
a	Nhà máy Nậm Chiến 2	Triệu đ	4.816	0	4.816	
b	Nhà máy Nậm Chiến 3	Triệu đ	246	0	246	
c	Nhà máy Nậm Công 4	Triệu đ	1.457	0	1.457	
c	Nhà máy Nậm Công 5	Triệu đ	523	523	0	
d	Nhà máy Nậm Sỏi	Triệu đ	1.062	0	1.062	
3	Phí tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Triệu đ	2.802	180	2.623	

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng hợp	Trong đó		Ghi chú
				Nậm Công Sơn La	Điện Tây Bắc	
A	Kế hoạch SX điện năng					
a	Nhà máy Nậm Chiến 2	Triệu đ	1.592	0	1.592	
b	Nhà máy Nậm Chiến 3	Triệu đ	128	0	128	
c	Nhà máy Nậm Công 4	Triệu đ	472	0	472	
c	Nhà máy Nậm Công 5	Triệu đ	180	180	0	
d	Nhà máy Nậm Sỏi	Triệu đ	431	0	431	
IV	Chi phí quản lý, vận hành phục vụ SXKD	Triệu đ	34.917	2.315	32.602	
1	Chi phí quản lý	Triệu đ	16.616	1.904	14.712	
2	Chi phí thường xuyên hàng năm (bảo hiểm, điện tự dùng, quan trắc môi trường, vận hành đường dây)	Triệu đ	3.088	311	2.777	
3	Chi phí sửa chữa, bảo trì công trình	Triệu đ	12.689	0	12.689	
4	Chi phí kiểm định, thí nghiệm	Triệu đ	1.032	20	1.012	
5	Chi phí đào tạo, tập huấn	Triệu đ	522	30	492	
6	Chi phí dự phòng	Triệu đ	970	50	920	
C	Lợi nhuận trước thuế (A.II-B)	Triệu đ	89.118	600	88.512	
	Thuế TNDN	Triệu đ	4.426	-	4.426	
D	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đ	84.686	600	84.086	

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2019

P. KINH DOANH

P. KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Tài Sản Bất Động Sản Nguồn vốn Tự có Đỗ Quang Lợi

PHỤ LỤC 2.1 - BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

STT	Nội dung	Sản lượng (Triệu kWh)					Doanh thu năm 2019				Ghi chú
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Bình quân 3 năm gần nhất	Năm 2019	Doanh thu thuần (Triệu đ)	Thuế tài nguyên (Triệu đ)	Phí môi trường rừng (Triệu đ)	Doanh thu trước Vat (Triệu đ)	
I	Nhà máy nậm chiến 2 (E0 = 132,14 Tr kWh)	120.11	115.81	127.21	121.04	133.78	130,263	11,509	4,816	146,589	
1	Tháng 01	3.64	5.35	7.62	5.54	4.75	4,705	409	171	5,285	
2	Tháng 02	3.17	0.46	5.67	3.10	2.69	3,390	232	97	3,719	
3	Tháng 03	4.25	2.82	7.55	4.87	6.63	8,495	570	239	9,304	
4	Tháng 04	5.10	7.91	2.65	5.22	5.22	5,781	449	188	6,418	
5	Tháng 05	8.32	3.54	8.22	6.69	11.22	12,781	966	404	14,150	
6	Tháng 06	15.46	7.62	13.73	12.27	13.73	14,938	1,181	494	16,613	
7	Tháng 07	14.69	18.02	19.92	17.54	19.92	17,050	1,713	717	19,481	
8	Tháng 08	20.11	9.19	22.85	17.38	22.55	19,337	1,940	812	22,088	
9	Tháng 09	20.45	20.10	19.61	20.06	19.11	16,385	1,644	688	18,718	
10	Tháng 10	12.25	20.92	7.92	13.70	13.70	12,958	1,178	493	14,629	
11	Tháng 11	4.76	8.47	9.02	7.42	8.02	8,273	690	289	9,251	
12	Tháng 12	7.91	11.40	2.45	7.25	6.25	6,170	538	225	6,933	
II	Nhà máy nậm chiến 3 (E0 = 10,64 Tr. kWh)	-	-	6.83	-	6.83	6,878	587	246	7,711	
1	Tháng 01	-	-	0.17	-	0.17	262	14	6	283	
2	Tháng 02	-	-	0.10	-	0.10	141	9	4	154	
3	Tháng 03	-	-	0.25	-	0.25	313	21	9	343	
4	Tháng 04	-	-	0.27	-	0.27	238	23	10	271	
5	Tháng 05	-	-	0.47	-	0.47	848	40	17	905	
6	Tháng 06	-	-	0.82	-	0.82	1,025	70	29	1,125	
7	Tháng 07	-	-	1.10	-	1.10	690	95	40	824	
8	Tháng 08	-	-	1.25	-	1.25	785	108	45	938	
9	Tháng 09	-	-	0.95	-	0.95	592	81	34	707	
10	Tháng 10	-	-	0.61	-	0.61	379	52	22	453	
11	Tháng 11	-	-	0.50	-	0.50	851	43	18	913	
12	Tháng 12	-	-	0.35	-	0.35	753	30	12	795	
III	Nhà máy Nậm Công 4 (E0 = 39,18 Tr. kWh)	34.35	36.46	40.92	37.24	40.48	46,485	3,482	1,457	51,424	

STT	Nội dung	Sản lượng (Triệu kWh)					Doanh thu năm 2019				Ghi chú
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Bình quân 3 năm gần nhất	Năm 2019	Doanh thu thuần (Triệu đ)	Thuế tài nguyên (Triệu đ)	Phí môi trường rừng (Triệu đ)	Doanh thu trước Vat (Triệu đ)	
1	Tháng 01	2.41	2.34	2.04	2.26	2.15	4,414	185	77	4,676	
2	Tháng 02	1.97	1.27	1.39	1.54	1.26	3,328	109	46	3,482	
3	Tháng 03	1.55	1.28	1.33	1.39	0.92	2,586	79	33	2,698	
4	Tháng 04	1.34	1.34	1.24	1.31	0.89	2,435	76	32	2,543	
5	Tháng 05	2.24	1.20	2.65	2.03	2.69	4,712	231	97	5,040	
6	Tháng 06	2.25	1.57	4.36	2.73	3.53	5,003	303	127	5,434	
7	Tháng 07	2.84	5.36	5.35	4.52	5.87	3,673	505	211	4,389	
8	Tháng 08	5.29	6.89	6.79	6.32	6.83	4,273	588	246	5,107	
9	Tháng 09	6.33	6.08	6.73	6.38	6.81	4,259	586	245	5,091	
10	Tháng 10	3.73	4.41	4.05	4.06	4.06	2,539	349	146	3,035	
11	Tháng 11	2.66	2.65	2.83	2.71	3.04	4,816	261	109	5,187	
12	Tháng 12	1.75	2.08	2.15	1.99	2.44	4,444	210	88	4,742	
III	Nhà máy Nậm Công 5 (E0 = 14,91 Tr. kWh)	-	-	14.54	-	14.54	15,481	1,251	523	17,255	
1	Tháng 01	-	-	0.63	-	0.63	1,350	55	23	1,428	
2	Tháng 02	-	-	0.39	-	0.39	1,040	33	14	1,087	
3	Tháng 03	-	-	0.32	-	0.32	904	28	12	943	
4	Tháng 04	-	-	0.28	-	0.28	829	24	10	863	
5	Tháng 05	-	-	0.86	-	0.86	1,416	74	31	1,521	
6	Tháng 06	-	-	0.87	-	0.87	1,358	75	31	1,465	
7	Tháng 07	-	-	2.35	-	2.35	1,469	202	84	1,756	
8	Tháng 08	-	-	2.73	-	2.73	1,709	235	98	2,043	
9	Tháng 09	-	-	2.72	-	2.72	1,704	234	98	2,036	
10	Tháng 10	-	-	1.62	-	1.62	1,016	140	58	1,214	
11	Tháng 11	-	-	0.97	-	0.97	1,397	84	35	1,515	
12	Tháng 12	-	-	0.78	-	0.78	1,289	67	28	1,384	
IV	Nhà máy Nậm Sỏi (E0 = 35,77 Tr. kWh)	24.50	25.61	29.09	26.40	29.49	37,620	2,537	1,062	41,219	
1	Tháng 01	1.57	1.14	1.15	1.28	1.31	3,426	113	47	3,586	
2	Tháng 02	1.22	0.72	0.84	0.93	0.84	2,442	72	30	2,544	
3	Tháng 03	0.97	0.70	0.78	0.81	0.71	2,116	61	26	2,204	
4	Tháng 04	0.83	0.71	0.78	0.78	0.81	2,353	69	29	2,451	

STT	Nội dung	Sản lượng (Triệu kWh)					Doanh thu năm 2019				Ghi chú
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Bình quân 3 năm gần nhất	Năm 2019	Doanh thu thuần (Triệu đ)	Thuế tài nguyên (Triệu đ)	Phí môi trường rừng (Triệu đ)	Doanh thu trước Vat (Triệu đ)	
5	Tháng 05	1.66	1.00	1.62	1.43	1.31	3,828	113	47	3,987	
6	Tháng 06	1.60	1.18	3.04	1.94	2.40	4,191	206	86	4,484	
7	Tháng 07	2.59	4.55	4.45	3.86	3.93	2,457	338	142	2,937	
8	Tháng 08	3.95	5.58	5.45	4.99	5.88	3,685	506	212	4,403	
9	Tháng 09	5.40	4.02	5.30	4.91	5.69	3,565	490	205	4,259	
10	Tháng 10	2.35	3.13	2.73	2.73	3.08	1,927	265	111	2,304	
11	Tháng 11	1.41	1.62	1.67	1.57	2.19	4,081	188	79	4,348	
12	Tháng 12	0.95	1.25	1.29	1.17	1.33	3,550	115	48	3,712	
	Tổng cộng	178.96	177.87	218.59	184.68	225.11	236,727	19,367	8,104	264,198	

CÔNG TY CP ĐT&PT ĐIỆN TÂY BẮC
PHÒNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

PHỤ LỤC 2.2: KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ VẬN HÀNH SXKD NĂM 2019

TT	Nội dung	ĐVT	Thành tiền (đồng)					Ghi chú	
			Khối văn phòng Công ty	Nhà máy Nậm Chiến 2+3	Nhà máy Nậm Công 4	Nhà máy Nậm Công 5	Nhà máy Nậm Sỏi		Tổng cộng
A	CHI PHÍ QUẢN LÝ	đồng	4,853,711,190	4,168,141,795	2,920,364,752	1,904,357,708	2,769,392,669	16,615,968,114	
I	Tiền lương, thưởng và BHXH	đồng	3,203,103,334	3,753,835,795	2,727,547,552	1,816,280,708	2,646,848,669	14,147,616,058	
1	Tiền lương	đồng	2,280,000,000	2,596,800,000	1,874,000,000	1,226,000,000	1,856,000,000	9,832,800,000	
2	Chi phí ăn ca	đồng	0	126,000,000	72,000,000	72,000,000	72,000,000	342,000,000	
3	Lương lễ, phép, tết	đồng	148,618,846	200,501,950	141,721,561	88,633,120	126,327,180	705,802,657	
4	Lương tháng 13, thưởng quý trong năm (Tổng thưởng 03 tháng)	đồng	570,000,000	572,400,000	456,000,000	312,000,000	432,000,000	2,342,400,000	
5	Bảo hiểm: BHXH, BHYT, BHTN	đồng	189,484,488	216,828,845	154,878,491	92,927,588	129,671,489	783,790,901	
6	Khám sức khỏe định kỳ	đồng	15,000,000	20,000,000	15,000,000	15,000,000	15,000,000	80,000,000	
8	Bảo hộ lao động	đồng	0	21,305,000	13,947,500	9,720,000	15,850,000	60,822,500	
9	Thù lao HĐQT, BKS	đồng	0	0	0	0	0	0	
II	Khấu hao + thuê tài sản cố định	đồng	592,192,256	0	0	0	0	592,192,256	
1	Chi phí thuê văn phòng	đồng	372,453,468					372,453,468	
2	Khấu hao thiết bị văn phòng	đồng	219,738,788					219,738,788	
III	Chi phí kiểm toán	đồng	135,000,000	0	0	0	0	135,000,000	
IV	Chi phí văn phòng, dịch vụ mua ngoài	đồng	603,415,600	192,306,000	98,817,200	88,077,000	62,544,000	1,045,159,800	
1	Tiền cước điện thoại, fax, internet, trực tuyến	đồng	96,000,000	42,000,000	30,000,000	30,000,000	18,000,000	216,000,000	
2	Chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí văn phòng	đồng	36,000,000	30,000,000	18,000,000	6,000,000	12,000,000	102,000,000	
3	Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, chè....)	đồng	180,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	228,000,000	
4	Chi phí phân bố Hệ thống cáp quang truyền hình trực tuyến, hệ thống camera giám sát (5 năm)	đồng	51,415,600	56,466,000	38,817,200	40,077,000	20,544,000	207,319,800	
5	Thuê xe, nhiên liệu ô tô, nhiên liệu máy phát, sửa chữa..	đồng	240,000,000	51,840,000	0	0	0	291,840,000	
V	Chi phí đối ngoại, khác	đồng	320,000,000	222,000,000	94,000,000	0	60,000,000	696,000,000	

TT	Nội dung	ĐVT	Thành tiền (đồng)					Ghi chú	
			Khối văn phòng Công ty	Nhà máy Nậm Chiến 2+3	Nhà máy Nậm Công 4	Nhà máy Nậm Công 5	Nhà máy Nậm Sỏi		Tổng cộng
1	Chi phí tiếp khách, bán hàng	đồng	240,000,000	60,000,000	0	0	0	300,000,000	
2	Chi phí khác (quan hệ cộng đồng...)	đồng	0	162,000,000	94,000,000	0	60,000,000	316,000,000	
3	Chi phí tổ chức đại hội cổ đông	đồng	80,000,000					80,000,000	
VI	Chi phí quản lý dự phòng	đồng	120,000,000	60,000,000	60,000,000	0	60,000,000	300,000,000	
B	CHI PHÍ SẢN XUẤT	đồng	212,121,212	7,188,421,821	4,805,548,725	360,939,807	4,764,171,641	17,331,203,205	
I	Chi phí thường xuyên hàng năm	đồng	0	1,826,571,920	536,369,530	310,939,807	414,123,130	3,088,004,387	
1	Mua bảo hiểm công trình	đồng	0	894,208,283	226,369,530	150,939,807	224,123,130	1,495,640,750	
2	Điện tự dùng	đồng	0	240,000,000	240,000,000	120,000,000	120,000,000	720,000,000	
3	Thuê kênh viễn thông	đồng	0	336,000,000	0	0	0	336,000,000	
4	Quan trắc môi trường	đồng	0	70,000,000	70,000,000	40,000,000	70,000,000	250,000,000	
5	Thuê quản lý vận hành đường dây 110kV + 35kV	đồng	0	286,363,636	0	0	0	286,363,636	
II	Chi phí sửa chữa	đồng	0	4,876,031,719	3,826,361,013	0	3,986,230,329	12,688,623,061	
1	Chi phí thuê chuyên gia hướng đại tu, sửa chữa lớn	đồng		200,000,000	150,000,000	0	150,000,000	500,000,000	
2	Chi phí mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng thường xuyên	đồng		1,200,000,000	1,200,000,000	0	1,200,000,000	3,600,000,000	
	Chi phí trả trước phân bổ (có bảng kê chi tiết kèm theo)			3,476,031,719	2,476,361,013		2,636,230,329	8,588,623,061	
III	Chi phí kiểm định, thí nghiệm các thiết bị điện	đồng	0	385,818,182	352,818,182	20,000,000	273,818,182	1,032,454,545	
1	Kiểm định công tơ đo đếm hàng năm	đồng	0	40,000,000	40,000,000	0	0	80,000,000	
2	Phê duyệt mẫu và Kiểm định TU, TI	đồng	0	0	0	0	0	0	
3	Kiểm định thiết bị an toàn	đồng	0	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000	80,000,000	
4	Thí nghiệm thiết bị điện hàng năm	đồng	0	144,000,000	111,000,000	0	72,000,000	327,000,000	
5	Chi phí lập quy trình vận hành hồ chứa	đồng		90,909,091	90,909,091		90,909,091	272,727,273	
6	Chi phí kiểm định an toàn hồ đập	đồng		90,909,091	90,909,091		90,909,091	272,727,273	
IV	Chi phí đào tạo, tập huấn	đồng	212,121,212	100,000,000	90,000,000	30,000,000	90,000,000	522,121,212	
1	Chi phí đào tạo CBCNV, CNVH.....	đồng	50,000,000	40,000,000	30,000,000	0	30,000,000	150,000,000	

TT	Nội dung	ĐVT	Thành tiền (đồng)					Tổng cộng	Ghi chú
			Khối văn phòng Công ty	Nhà máy Nậm Chiến 2+3	Nhà máy Nậm Công 4	Nhà máy Nậm Công 5	Nhà máy Nậm Sỏi		
2	Tư vấn xây dựng và chứng nhận hệ thống quản lý tiêu chuẩn ISO (phân bổ 03 năm)	đồng	162,121,212					162,121,212	
3	Diễn tập PCCC và CNCH	đồng		30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	120,000,000	
4	Tập huấn ATVS LĐ	đồng		30,000,000	30,000,000	0	30,000,000	90,000,000	
V	Chi phí dự phòng sản xuất	đồng	120,000,000	200,000,000	150,000,000	50,000,000	150,000,000	670,000,000	
	TỔNG CỘNG:	đồng	5,305,832,402	11,616,563,615	7,935,913,477	2,315,297,515	7,743,564,309	34,917,171,319	



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Số: 22./BC-ĐTĐT-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Về việc chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Phương án chi trả thù lao
HĐQT, BKS năm 2019**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CPĐT&PT Điện Tây Bắc;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2018,

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 như sau:

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐTĐT-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc phê duyệt: Đại hội đồng cổ đông quyết định miễn chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong vòng 02 năm, kể từ năm 2018. Vì vậy trong năm 2018 và năm 2019 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc không chi trả thù lao cho các TV HĐQT và BKS Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Huyền

Số: 22/TTTr-ĐTĐB-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2019

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2019**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CPĐT&PT Điện Tây Bắc;
- Tình hình thực tế của Công ty hiện nay,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (“Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét phê chuẩn thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ 2019 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Huy động vốn để mua cổ phần Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Công Sơn La nhằm nâng cao hiệu quả Sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHẦN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tình hình cổ phần hiện tại của Công ty:

- Số lượng cổ phần: 40.500.000 cổ phần;
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

2. Phương án phát hành:

- Tên Cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc;
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần;
- Tổng số cổ phần phát hành: 5.500.000 cổ phần.



- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 55.000.000.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng)
- Phương thức phát hành: Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược:
 - Là tổ chức, cá nhân trong nước;
 - Ưu tiên đối tác truyền thống, tiềm năng của công ty;
 - Có tiềm lực về tài chính và khả năng góp vốn nhanh ngay khi đăng ký mua cổ phần ;
 - Các tiêu chí khác mà HĐQT thấy cần thiết.

Danh sách nhà đầu tư dự kiến:

STT	Họ tên người mua	Địa chỉ	ĐKKD/ CMND	Số lượng CP đang nắm giữ (Cổ phần)	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm (Cổ phần)
1	HOÀNG THỊ THU TRANG	P1103-Nhà B6-KĐT Mỹ Đình 1, TDP số 9, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CCCD số: 001185027346 Ngày cấp: 05/11/2018 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.	0	5.500.000

- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- Phương thức xử lý cổ phần không phát hành hết: Số lượng cổ phần do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược với giá không thấp hơn mức giá đã công bố cho các nhà đầu tư hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành;

Miễn thực hiện chào mua công khai trong các trường hợp sau:

- Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng chào bán vượt mức sở hữu được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Chào bán dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức hoặc một cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của NED trong một đợt chào bán hoặc nhiều đợt chào bán trong 12 tháng gần nhất.

- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 460.000.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tỷ đồng);
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Thời điểm phát hành: dự kiến trong Quý II, III, IV năm 2019, sau khi có chấp thuận của UBCKNN.

3. Nguyên tắc xác định giá phát hành:

Giá phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông trong đợt phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc là 10.000 đồng/cổ phần, được căn cứ trên giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 (Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phiếu} &= \text{Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phần đang lưu hành} \\ &= 322.185.197.579 / 40.500.000 \\ &= 7.955 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

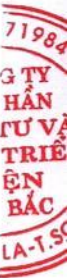
Ngoài ra, giá giao dịch của cổ phiếu NED trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội trong 03 tháng trở lại đây luôn dao động ở mức từ 9.800 – 11.500 đồng/ cổ phiếu.

Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo sự thành công cho đợt phát hành cũng như để tạo giá trị thặng dư cho cổ đông, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

4. Ủy quyền:

Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn thời điểm chào bán;
- Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định ;
- Lập phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có);
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La sau khi hoàn tất đợt phát hành;



- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành;
- Và các công việc khác có liên quan.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là **55.000.000.000 đồng** của đợt phát hành nêu trên dự kiến sẽ dùng để mua Cổ phần Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Công Sơn La.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành để đảm bảo phù hợp với tình hình thị trường và tình hình cụ thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và báo cáo việc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu có) tại kỳ họp Đại hội cổ đông gần nhất.

PHƯƠNG ÁN VÀ LỊCH TRÌNH PHÂN PHỐI

Bước 1: UBCKNN chấp thuận phương án phát hành của Công ty;

Bước 2: Công ty thông báo quyền mua cổ phần cho từng đối tác;

Bước 3: Phân phối chứng khoán

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: HĐQT, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Trần Văn Huyền

